

THÔNG BÁO

Về việc tuyển sinh trình độ thạc sĩ năm 2026 (Khóa 16 - Chương trình thạc sĩ Điều hành cao cấp)

Căn cứ Thông tư 23/2021/TT-BGDĐT ngày 31/8/2021 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 1515/QĐ-ĐHKTQD ngày 28/12/2021 và Quyết định số 1878/QĐ-ĐHKQTD ngày 16/12/2024 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo Chương trình Thạc sĩ Điều hành cao cấp tại Đại học Kinh tế Quốc dân (ĐHKTQD).

Đại học Kinh tế Quốc dân thông báo tuyển sinh Chương trình Thạc sĩ Điều hành cao cấp Khóa 16 năm 2026 với các nội dung dưới đây.

1. Mục tiêu và đối tượng đào tạo

- Chương trình Thạc sĩ Điều hành cao cấp nhằm trang bị và nâng cao các kiến thức, kỹ năng về quản trị và điều hành cho các nhà quản lý cấp cao. Sau khi tốt nghiệp, người học có đủ năng lực, tự tin giải quyết một cách khoa học các vấn đề quản lý, điều hành ở vị trí đứng đầu trong các tập đoàn, doanh nghiệp, các tổ chức và cơ quan nhà nước.
- Đối tượng đào tạo của chương trình là những người đang giữ vị trí lãnh đạo, quản lý hoặc có triển vọng trở thành nhà quản lý cấp cao trong các tập đoàn, doanh nghiệp, các cơ quan nhà nước từ trung ương đến địa phương và các tổ chức chính trị xã hội.

2. Chương trình đào tạo và bằng cấp

- Thạc sĩ Điều hành cao cấp của Đại học Kinh tế quốc dân là chương trình đào tạo hiện đại, có tính ứng dụng cao và tương đồng với các chương trình Executive MBA tiên tiến trên thế giới. Quá trình học tập được kết hợp giữa giảng lý thuyết và thực hành thông qua hoạt động nhóm, tọa đàm với các chuyên gia quốc tế, các nhà quản lý cấp cao, các doanh nhân hàng đầu Việt Nam. Học viên được trải nghiệm, giải quyết các vấn đề quản trị điều hành thực tế tại các doanh nghiệp và các địa phương trong và ngoài nước.
- Chương trình đào tạo Thạc sĩ Điều hành cao cấp bao gồm: 14 học phần, 2 chuyên đề trên lớp, 2 chuyên đề thực tế và đề án tốt nghiệp). Học viên hoàn thành Chương trình đào tạo, đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ sẽ được nhận bằng Thạc sĩ Điều hành cao cấp, định hướng ứng dụng, hệ vừa làm vừa học của Đại học Kinh tế quốc dân theo qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, **được học tiếp lên bậc tiến sĩ.**

- Khóa học được tổ chức theo phương thức đào tạo Executive quốc tế với điều kiện, thiết bị học tập hiện đại; học viên được cung cấp đầy đủ tài liệu trước mỗi môn học, được phục vụ ăn trưa, ăn nhẹ giữa giờ trong các ngày học.

3. Chỉ tiêu tuyển sinh (dự kiến): 150 học viên cho hai Chương trình đào tạo

- Chương trình đào tạo Thạc sĩ Điều hành cao cấp Executive MEM dành cho cơ quan nhà nước (ngành Quản lý Kinh tế).
- Chương trình đào tạo Thạc sĩ Điều hành cao cấp Executive MBA dành cho doanh nghiệp (ngành Quản trị Kinh doanh).

Ghi chú: Căn cứ vào tổng chỉ tiêu 2026 ĐHKQTĐ đề xuất với Bộ GD&ĐT; căn cứ vào số lượng thí sinh đăng ký dự thi và kết quả thi tuyển thực tế, Hội đồng tuyển sinh sẽ quyết định số lượng chỉ tiêu cụ thể cho từng đợt, từng ngành cho phù hợp với nhu cầu thực tiễn theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo hiện hành.

4. Thời gian và địa điểm tuyển sinh

a) ĐHKQTĐ tổ chức tuyển sinh 02 lần/năm. Cụ thể:

- Đợt 1: tháng 6/2026 (dự kiến: ngày 14/6/2026)
- Đợt 2: tháng 10/2026 (dự kiến: ngày 25/10/2026)

b) Địa điểm tổ chức tuyển sinh: Tại Đại học Kinh tế Quốc dân.

5. Đối tượng và điều kiện dự tuyển

Đối tượng dự tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ của ĐHKQTĐ là công dân Việt Nam và người nước ngoài đáp ứng đủ các điều kiện dưới đây.

5.1. Điều kiện về kinh nghiệm quản lý

- Thí sinh có 2 năm kinh nghiệm quản lý.
- Các trường hợp khác do Thường trực Ban Điều hành Chương trình đề xuất, thường trực Hội đồng tuyển sinh xem xét, quyết định.

5.2. Điều kiện về văn bằng

- Thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học trở lên các ngành đúng, ngành gần thuộc lĩnh vực kinh tế, quản trị, quản lý được dự tuyển không phải học bổ sung kiến thức; danh mục ngành phù hợp được quy định cụ thể tại *Phụ lục 2*.
- Thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học trở lên không thuộc các ngành quy định ở trên phải học bổ sung kiến thức 05 học phần trước khi tuyển sinh gồm: (1) Kinh tế học; (2) Quản trị kinh doanh; (3) Quản lý học; (4) Kinh tế phát triển; (5) Lý thuyết tài chính tiền tệ. Thông tin chi tiết ở mục 6 dưới đây.

Lưu ý: Các văn bằng và bằng điểm đại học, thạc sĩ và tiến sĩ do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được công chứng tiếng Việt và nộp kèm theo văn bản xác nhận văn bằng của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5.3. Điều kiện về năng lực ngoại ngữ

Thí sinh đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ từ bậc 3 trở lên theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Ngôn ngữ nước ngoài áp dụng tại nội dung này là tiếng Anh, tiếng Nga, tiếng Pháp, tiếng Đức, tiếng Trung, tiếng Nhật. Cụ thể, thí sinh phải thỏa mãn một trong các điều kiện về ngoại ngữ dưới đây:

a) Có bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài.

b) Có bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do ĐHKQTĐ cấp mà chuẩn đầu ra của chương trình đã đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ đạt trình độ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam và còn trong thời gian không quá 02 năm tính đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển (hồ sơ giấy).

c) Có một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông báo này hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ GD&ĐT công bố và còn trong thời hạn 02 năm kể từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển (bản giấy).

d) Thí sinh đã tham dự các kì đánh giá năng lực ngoại ngữ đầu vào do ĐHKQTĐ tổ chức còn giá trị 02 năm kể từ ngày ra Quyết định công nhận kết quả thi đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển (hồ sơ giấy)

e) Các thí sinh không thỏa mãn điều kiện ngoại ngữ như quy định trong mục (a, b, c, d) ở trên cần đăng ký tham gia kỳ đánh giá năng lực ngoại ngữ đầu vào (tiếng Anh) do ĐHKQTĐ tổ chức. Thông tin cụ thể về các kỳ đánh giá tiếng Anh năm 2026 sẽ được thông báo chi tiết ở mục 7 dưới đây.

5.4. Điều kiện khác

- Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.

- Có đủ sức khỏe để học tập.

- Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định của thông báo tuyển sinh.

6. Bổ sung kiến thức

a) Thí sinh tốt nghiệp đại học trở lên các ngành đúng, ngành gần thuộc lĩnh vực kinh tế, quản trị, quản lý đăng ký dự tuyển trình độ thạc sĩ thì không phải học BSKT.

b) Thí sinh phải hoàn thành chương trình học BSKT trước khi dự tuyển. Thời lượng học BSKT mỗi học phần là 02 tín chỉ. Học phần BSKT nào trong bảng điểm học tập có môn học trùng tên và tối thiểu 2 tín chỉ thì thí sinh sẽ được miễn.

c) Lệ phí BSKT: 830.000đ/học phần.

d) Thời gian đăng ký và tổ chức học BSKT

Đợt đăng ký	Thời gian đăng ký học	Thời gian học và thi
Đợt 1	30/1/2026 – 17/3/2026	24/3/2026 - 25/5/2026
Đợt 2	02/6/2026 - 11/8/2026	11/8/2026 – 19/10/2026

e) Lịch học, lịch thi cụ thể từng môn học BSKT sẽ được công bố trên website.

7. Thi tiếng Anh chuẩn đầu vào

Thí sinh thuộc nhóm 4.2 điểm e ở trên phải đăng ký thi đánh giá năng lực ngoại ngữ đầu vào (tiếng Anh) do ĐHKQTĐ tổ chức.

Lệ phí thi tiếng Anh: 650.000/lần thi.

Việc đăng ký thi tiếng Anh và mức lệ phí phải nộp đã được xử lý trong quá trình duyệt hồ sơ dự thi trực tuyến (lệ phí thi tiếng Anh = 650.000). Thí sinh không phải đăng ký thi tiếng Anh và nộp lệ phí riêng lẻ.

Đại học Kinh tế Quốc dân sẽ tổ chức 6 buổi học/đợt (trực tuyến, miễn phí) để ôn tập và hướng dẫn cách thức làm bài thi tiếng Anh cho các thí sinh đăng ký. Thông tin chi tiết các buổi học và link lớp học sẽ được công bố trên website và gửi qua email cho thí sinh.

Lịch học ôn tập và ngày thi tiếng Anh dự kiến như sau:

Đợt thi tuyển sinh	Khoảng thời gian tổ chức lớp học ôn tiếng Anh	Ngày thi đánh giá NLNN đầu vào (Tiếng Anh) tại ĐHKQTĐ
Tuyển sinh đợt 1	13/4/2026 - 25/4/2026	Đợt 1: 10/5/2026 Đợt 2: 24/5/2026
Tuyển sinh đợt 2	03/9/2026 – 18/9/2026	Đợt 1: 20/9/2026 Đợt 2: 04/10/2026

8. Phương thức tuyển sinh

Phương thức tuyển sinh của Chương trình bao gồm 2 phần sau:

- Phần 1: Đánh giá hồ sơ về quá trình học tập, công tác và quản lý của thí sinh. Điểm hồ sơ được xác định dựa trên các tiêu chí về: chức vụ, kinh nghiệm công tác và quản lý; quá trình đào tạo và phẩm chất, năng lực cá nhân thí sinh.
- Phần 2: Phỏng vấn nhằm đánh giá động cơ và khả năng hoàn thành khóa học; kiểm tra kiến thức và kinh nghiệm xử lý tình huống quản lý.

Điều kiện xét trúng tuyển:

- Thí sinh đạt điều kiện về ngoại ngữ như đã nêu ở trên
- Điểm của các phần: phần 1, phần 2 đạt từ 50% điểm mỗi phần trở lên
- Điểm xét tuyển: Tính bằng tổng kết quả của phần 1 và phần 2. Điểm trúng tuyển được lấy từ cao xuống thấp.

9. Hồ sơ dự tuyển

a) Hồ sơ đăng ký dự thi và dự xét tuyển của thí sinh được nộp theo 2 bước:

- Bước 1: Đăng ký hồ sơ trực tuyến. Cách thức nộp hồ sơ trực tuyến và nộp lệ phí dự thi vui lòng xem tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo thông báo này.
- Bước 2: Nộp hồ sơ hồ sơ giấy. Danh mục các loại giấy tờ cần trong hồ sơ hồ sơ giấy được quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo thông báo này.

b) Thời gian phát hành và nhận hồ sơ:

- Đợt 1: Từ ngày 30/01 đến ngày **25/05/2026**.
- Đợt 2: Từ ngày 20/06 đến ngày **05/10/2026**.
- Lệ phí thi tuyển (nộp cùng hồ sơ dự tuyển): 2.000.000 đồng.

10. Thời gian, phương thức và ngôn ngữ đào tạo

- Thời gian đào tạo là 2 năm.
- Phương thức đào tạo: Học trực tiếp các ngày cuối tuần kết hợp với học trực tuyến.
- Chương trình đào tạo được thực hiện bằng **tiếng Việt**.
- Thời gian học chi tiết: Buổi sáng: 8h10 - 12h15; Buổi chiều: 13h00 - 17h05;

11. Học phí và kinh phí

Tổng số học phí và kinh phí toàn khóa học: 160.000.000 đồng, nộp theo 3 đợt. Cụ thể như sau:

- Đợt 1: 60.000.000 đồng, nộp khi nhập học,
- Đợt 2: 60.000.000 đồng, nộp trước ngày 15/4/2027,
- Đợt 3: 40.000.000 đồng, nộp trước ngày 30/10/2027.

12. Các mốc thời gian (dự kiến)

	Ngày phỏng vấn	Công bố kết quả	Nhập học	Bắt đầu học tập
Đợt 1	14/06/2026	30/6/2026	Tháng 7/2026	Tháng 8/2026
Đợt 2	25/10/2026	10/11/2026	Tháng 11/2026	Tháng 12/2026

13. Thông tin tra cứu và liên hệ

13.1. Thông tin tra cứu

- Giới thiệu Chương trình đào tạo Thạc sĩ điều hành cao cấp: xem tại website sdh.neu.edu.vn, mục Đào tạo/ Thạc sĩ Điều hành cao cấp
- Thông báo tuyển sinh, Phụ lục và các mẫu giấy tờ trong hồ sơ dự tuyển: xem tại website sdh.neu.edu.vn, mục Tuyển sinh/ Thạc sĩ Điều hành cao cấp/ Thông báo tuyển sinh
- Thông tin về về Chương trình: xem tại fanpage facebook.com/ThacsiDieuhanhcaocap

13.2. Thông tin tra cứu

VIỆN ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC

Phòng 405, Tòa nhà A1, Đại học Kinh tế quốc dân,

Số 207 đường Giải Phóng, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: (024)36.280.280, máy lẻ: 5438, 5420, 5435 và 5437.

Hotline: **0796.288.688**

Email: executivemba@neu.edu.vn

Website (Viện ĐTSĐH): sdh.neu.edu.vn

Fanpage: <https://www.facebook.com/ThacsiDieuahanhcaocap>

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- Các Bộ, ngành (Vụ Tổ chức);
- Các UBND, Sở của các tỉnh, TP;
- Các Viện nghiên cứu, trường ĐH, Học viện;
- Các đơn vị trong ĐHKQTĐ;
- Lưu: VT, SDH.

GIÁM ĐỐC

(đã ký và đóng dấu)

PGS.TS. Bùi Huy Nhượng

Phụ lục 1 - Bảng tham chiếu quy đổi một số văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ tương đương bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam áp dụng trong tuyển sinh trình độ thạc sĩ

1. Danh mục chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế

- Đại học Kinh tế Quốc dân chỉ chấp nhận các chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế tương đương bậc 3 trong bảng dưới đây do các đơn vị được Bộ GD&ĐT cho phép cấp.
- Danh mục các đơn vị được Bộ GD&ĐT cho phép cấp chứng chỉ xem tại link: [Danh mục VBCC ngoại ngữ được Bộ GD&ĐT phê duyệt cấp tại Việt Nam \(cập nhật đến 06/5/2025\)](#).

TT	Ngôn ngữ	Chứng chỉ/ Văn bằng	Trình độ/Thang điểm	
			Tương đương Bậc 3	Tương đương Bậc 4
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	30-45	46-93
		TOEFL ITP	450-499	
		IELTS	4.0 - 5.0	5.5 -6.5
		Cambridge Assessment English	B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/ Linguaskill. Thang điểm: 140-159	B2 First/B2 Business Vantage/ Linguaskill. Thang điểm: 160-179
		TOEIC (4 kỹ năng)	Nghe: 275-399 Đọc: 275-384 Nói: 120-159 Viết: 120-149	Nghe: 400-489 Đọc: 385-454 Nói: 160-179 Viết: 150-179
		Aptis Esol	B1	B2
		Pearson Test of English (PTE)	43-58	59-75
		Pearson English International Certificate (PEIC)	Level 2	Level 3
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance française diplomas	TCF: 300-399 Văn bằng DELF B1 Diplôme de Langue	TCF: 400-499 Văn bằng DELF B2 Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe - Institut	Goethe-Zertifikat B1	Goethe-Zertifikat B2
		The German TestDaF language certificate	TestDaF Bậc 3 (TDN 3)	TestDaF Bậc 4 (TDN 4)
4	Tiếng Trung Quốc	Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK Bậc 3	HSK Bậc 4
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N4	N3
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному	ТРКИ-1	ТРКИ-2

2. Chứng chỉ ngoại ngữ theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam (Vstep) (chuẩn đầu vào – bậc 3)

- Đại học Kinh tế Quốc dân chỉ chấp nhận các chứng chỉ tiếng Anh bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam (Vstep) do các đơn vị được Bộ Giáo dục và đào tạo cho phép cấp dưới đây để được công nhận đạt chuẩn đầu vào ngoại ngữ.

- Link [DS các đơn vị tổ chức thi tiếng Anh theo KNLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam](#) (cập nhật đến tháng 07/2025)

STT	Tên trường	STT	Tên trường
1	Đại học Bách khoa Hà Nội	20	Trường Đại học Mở thành phố Hồ Chí Minh
2	Đại học Công Nghệ TPHCM (HUTECH)	21	Trường Đại học Nam Cần Thơ
3	Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – Đại học Quốc gia TP.HCM	22	Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM
4	Đại Học Thái Nguyên	23	Trường Đại học Ngoại ngữ – Đại học Đà Nẵng
5	Học viện An Ninh Nhân Dân	24	Trường Đại học Ngoại ngữ – Đại học Huế
6	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	25	Trường Đại học Ngoại ngữ – Đại học Quốc gia Hà Nội
7	Học viện Cảnh sát nhân dân	26	Trường Đại học Ngoại thương
8	Học viện Khoa học quân sự	27	Trường Đại học Phenikaa
9	Trường Đại học Cần Thơ	28	Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng
10	Trường Đại học Công nghiệp thực phẩm TP.HCM	29	Trường Đại học Quy Nhơn
11	Trường Đại Học Công nghiệp TP.HCM	30	Trường Đại học Sài Gòn
12	Trường Đại học Đồng Tháp	31	Trường Đại học Sư Phạm Hà Nội
13	Trường Đại học Duy Tân	32	Trường Đại học Sư phạm TPHCM
14	Trường Đại học Hà Nội	33	Trường Đại Học Tây Nguyên
15	Trường Đại học Kinh tế Quốc Dân	34	Trường Đại học Thành Đông
16	Trường Đại học Kinh tế Tài chính – Marketing	35	Trường Đại học Thương mại
17	Trường Đại học Kinh tế Tài chính TP.HCM	36	Trường Đại học Trà Vinh
18	Trường Đại học Kinh tế TP.HCM	37	Trường Đại học Văn Lang
19	Trường Đại học Lạc Hồng	38	Trường Đại học Vinh

Phụ lục 2: Danh mục các ngành phù hợp

1. Danh mục ngành đúng, ngành gần, ngành phù hợp

STT	NGÀNH TUYỂN SINH		NGÀNH ĐÚNG		NGÀNH GẦN	NGÀNH PHÙ HỢP
	Tên ngành	Mã số	Tên ngành	Mã số		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Quản lý kinh tế	8310110	Khoa học quản lý	7340401	Các ngành đào tạo trong Bảng danh mục dưới đây, trừ các NGÀNH ĐÚNG trong cột (4+5) ở bên.	Các ngành đào tạo trong “Danh mục thống kê ngành đào tạo các trình độ của giáo dục đại học”, trừ các ngành ĐÚNG (cột 4+5) và ngành GẦN (cột 6) ở bên.
2	Quản trị kinh doanh	8340101	Quản trị kinh doanh	7340101		

2. Danh mục ngành gần với các ngành tuyển sinh trình độ thạc sĩ tại ĐHKQTĐ

TT	Tên ngành	Mã số	TT	Tên ngành	Mã số
1	Bảo hiểm	7340204	28	Quản lý công	7340403
2	Bất động sản	7340116	30	Quản lý công nghiệp	7510601
3	Công nghệ tài chính	7340205	31	Quản lý đất đai	7850103
4	Hệ thống thông tin quản lý	7340405	32	Quản lý đô thị và công trình	7580106
5	Kế toán	7340301	33	Quản lý dự án	7340409
6	Khoa học quản lý	7340401	34	Quản lý hoạt động bay	7840102
7	Kiểm toán	7340302	35	Quản lý nhà nước	7310205
8	Kinh doanh nông nghiệp	7620114	36	Quản lý nhà nước về an ninh trật tự	7860109
9	Kinh doanh thời trang và dệt may	7340123	37	Quản lý tài nguyên rừng	7620211
10	Kinh doanh quốc tế	7340120	38	Quản lý tài nguyên và môi trường	7850101
11	Kinh doanh thương mại	7340121	39	Quản lý thể dục thể thao	7810301
12	Kinh doanh xuất bản phẩm	7320402	40	Quản lý thông tin	7320205
13	Kinh tế	7310101	41	Quản lý thủy sản	7620305
14	Kinh tế chính trị	7310102	42	Quản lý trật tự an toàn giao thông	7860110
15	Kinh tế công nghiệp	7510604	43	Quản lý văn hóa	7229042
16	Kinh tế đầu tư	7310104	44	Quản lý xây dựng	7580302
17	Kinh tế gia đình	7810501	45	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103
18	Kinh tế nông nghiệp	7620115	46	Quản trị khách sạn	7810201
19	Kinh tế phát triển	7310105	47	Quản trị kinh doanh	7340101
20	Kinh tế quốc tế	7310106	48	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	7810202
21	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	7850102	49	Quản trị nhân lực	7340404
22	Kinh tế vận tải	7840104	50	Quản trị văn phòng	7340406
23	Kinh tế số	7310109	51	Tài chính – Ngân hàng	7340201
24	Kinh tế xây dựng	7580301	52	Thống kê kinh tế	7310107
25	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	7510605	53	Thương mại điện tử	7340122
26	Marketing	7340115	54	Tổ chức và Quản lý y tế	7720801
27	Quản lý bệnh viện	7720802	55	Toán kinh tế	7310108

Phụ lục 3: Hồ sơ dự tuyển

Hồ sơ dự tuyển gồm:

- 1) Phiếu đăng ký dự thi được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận; ảnh có đóng dấu giáp lai
 - 2) Phiếu cung cấp thông tin xét tuyển, in trên khổ giấy A4, tối đa 6 trang
 - 3) 02 bản sao công chứng của bằng Đại học trở lên
 - 4) 02 bản sao công chứng bảng điểm tương ứng (nếu có)
 - 5) 02 bản sao công chứng văn bằng hoặc chứng chỉ đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ
 - 6) Bản sao công chứng Căn cước/ Căn cước công dân/ Hộ chiếu
 - 7) Bản sao công chứng của Quyết định bổ nhiệm (hoặc chứng minh thâm niên lãnh đạo)
 - 8) Bản photo các văn bằng, chứng chỉ chứng minh quá trình học tập và các khóa bồi dưỡng kiến thức chuyên môn nghiệp vụ đã tham gia (nếu có) để tính điểm xét tuyển;
 - 9) Bản photo các loại Bằng khen, giấy khen và minh chứng thành tích nổi bật trong quá trình học tập, công tác (lợi thế trong chấm hồ sơ, nếu có) để tính điểm xét tuyển;
 - 10) 02 ảnh cá nhân 4x6 (ghi rõ tên và ngày tháng năm sinh ở mặt sau)
 - 11) Chứng nhận kết quả học bổ sung kiến thức đại học của Đại học Kinh tế Quốc dân cấp (nếu có)
-